

Bản án số: 60/2017/HSST
Ngày 28 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Thái và bà Trương Thị Hương Nghĩa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Phó Văn Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/TLST - HS ngày 21 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1976; sinh trú quán: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Nguyễn Hữu D và bà Ngô Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 đến nay, “có mặt”.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1957; sinh trú quán: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 08/12; con ông Nguyễn Tài V và bà Nguyễn Thị Á; có vợ là Nguyễn Thị N và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 đến ngày 17 tháng 8 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại địa phương đến nay, “có mặt”.

3. Nguyễn Thanh B1, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1976; sinh trú quán: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị D; có vợ là Đỗ Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại địa phương đến nay, “có mặt”.

4. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1974; sinh trú quán: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng. trình độ văn hóa: 10/12;

con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại địa phương đến nay, “có mặt”.

5. Trần Thị S, sinh năm 1966; sinh trú quán: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/12; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Nguyễn Văn Đ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 đến ngày 04 tháng 8 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại tại địa phương đến nay, “có mặt”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 23 tháng 6 năm 2017, Nguyễn Văn T đến nhà Nguyễn Văn B chơi, uống nước, sau đó T rủ B đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi “xâm”. B đồng ý và lấy 01 chiếc chiếu trúc đôi trải ra giữa gian phòng khách tầng một, sau đó lấy 01 bộ bài ở quán bán hàng tạp hóa của gia đình rồi cùng T đánh bạc với mức sát phạt 5.000đ/1 lá bài. T và B sử dụng 52 quân bài tu lơ khơ chia cho mỗi người 10 quân bài, người chia bài được đánh trước, người nào đánh hết bài trước thì thắng, người chơi còn lại là thua và còn lại bao nhiêu quân bài sẽ nhân với 5.000 đồng/1 quân bài thì ra số tiền phải trả cho người thắng, nếu người chơi nào không đánh được quân bài nào là “treo” phải trả cho người thắng 60.000 đồng, hoặc bị bắt “tứ quý” thì phải trả cho người bắt “tứ quý” số tiền 60.000 đồng, người nào “xâm” đánh hết 10 quân bài thì mỗi người phải trả cho người được “xâm” số tiền 80.000 đồng, nếu người chơi nào chặn được bài của người “xâm” thì người “xâm” phải trả cho người chặn “xâm” số tiền 160.000 đồng.

T và B đánh bạc liên tục đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày thì có Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1976 và Nguyễn Văn H1, sinh năm 1974 đều ở xã Đ, huyện B đến chơi thấy T, B đang đánh bạc ăn tiền thì B1, H1 xin tham gia đánh bạc, T và B đồng ý, sau đó B1, H1 ngồi xuống chiếu đánh bạc cùng. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày thì Trần Thị S, sinh năm 1966 ở thôn K, xã Đ, huyện B đến, thấy T, B, B1, H1 đang đánh bạc S xin tham gia đánh bạc, tất cả đồng ý, S ngồi xuống chiếu đánh bạc cùng với mức ăn thua với mức sát phạt như T và B đã thống nhất.

Các con bạc sát phạt nhau liên tục đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày thì có ông Nguyễn Xuân N1, sinh năm 1967 ở thôn T, xã Đ, huyện B đến nhà B chơi và bà Nguyễn Thị N (vợ B) bế cháu đi chơi về, thấy các đối tượng đang đánh bạc thì ông N1 ngồi xem, không tham gia đánh bạc, còn bà N bế cháu vào đặt ở phòng ngủ quay ra để không cho đánh bạc tại nhà mình thì đồng thời lúc này Công an huyện Bình Xuyên ập vào bắt quả tang thu giữ tang vật gồm: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.390.000 đồng, 52 quân bài tu lơ khơ, 01 chiếc truc đôi đã cũ; thu giữ trong người Nguyễn Văn B số tiền 2.200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng; thu giữ trong người Nguyễn Thanh B số tiền 1.715.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel A116 màu trắng; thu giữ trong người Nguyễn Văn H số tiền 1.200.000 đồng; thu giữ trong người Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ; thu giữ trong người Trần Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu hồng, đen. Ngoài ra còn tạm giữ tại sân nhà Nguyễn Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novou, biển kiểm soát 29U1 - 2511 của Nguyễn Văn H.

Quá trình điều tra đã xác định được: Khi tham gia đánh bạc B có khoảng 4.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, đến khi bị bắt còn 2.200.000 đồng; S có 1.200.000 đồng, T có khoảng 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc đến khi bị bắt đều không còn tiền trong người; B1 có 900.000 đồng sử dụng đánh bạc, đến khi bị bắt có 1.715.000 đồng trong người; H1 có 400.000 đồng sử dụng đánh bạc, đến khi bị bắt có 1.200.000 đồng trong người đã bị thu giữ.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 49/KSĐT-TA ngày 18 tháng 8 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn H và Trần Thị S về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 (Tám) đến 10 (Mười) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 06 (Sáu) đến 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 05 (Năm) đến 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách một năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 (Năm) đến 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách một năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị S từ 05 (Năm) đến 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách một năm.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S mỗi bị cáo từ 03 triệu đến 05 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 52 quân bài tu lơ khơ, 01 chiếc chiếu trúc đôi cũ là công cụ, phương tiện phạm tội; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.505.000đ; trả lại cho các bị cáo 04 điện thoại đã bị thu giữ nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo,

XÉT THẤY

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà tất cả các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, các bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 45 phút đến 16 giờ 15 phút ngày 23 tháng 6 năm 2017, tại phòng khách của gia đình Nguyễn Văn B ở thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Các đối tượng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S đã có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi “Xâm” thì bị Công an huyện Bình Xuyên phát hiện, bắt quả tang. Thu tại chiếu bạc và trên người các đối tượng được số tiền 7.505.000 đồng, 52 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếu trúc đôi đã cũ.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thì số tiền Công an thu giữ được tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là 7.505.000 đồng, nhiều hơn số tiền các bị cáo khai nhận đem theo để sử dụng vào việc đánh bạc là 5.000 đồng (các bị cáo khai nhận đem theo để đánh bạc là 7.500.000 đồng, trong đó bị cáo B có khoảng 4.000.000 đồng, S có 1.200.000 đồng, T có khoảng 1.000.000 đồng, B1 có 900.000 đồng, H1 có 400.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ số tiền Cơ quan Công an đã thu giữ trên chiếu bạc và trên người các bị cáo khi bị bắt quả tang đều sử dụng để đánh bạc, ngoài số tiền của các bị cáo ra thì không có tiền của ai khác. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc ngày 23 tháng 6 năm 2017 là 7.505.000đồng (nhiều hơn số tiền mà các bị cáo khai nhận đem theo để đánh bạc là 5.000đồng) cho nên lời khai của các bị cáo về số tiền cụ thể của từng người được sử dụng vào việc đánh bạc là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đánh bạc là tệ nạn xã hội cần lên án, là nguyên nhân gây ra rất nhiều mâu thuẫn, phá vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình; chính cờ bạc cũng là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác như ma túy, trộm cắp, cướp giật. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vị trí, vai trò của từng bị cáo, thấy rằng: Tất cả các bị cáo T, B, B1, H1 và bị cáo S trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt và đều được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; thực sự ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo B còn được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự là bị cáo đã có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tặng bằng khen của Bộ Quốc phòng và bị cáo có bố đẻ là người có công với nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo H1 và bị cáo B1 mỗi người được 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự là bị cáo H1 đã có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, bị cáo B1 có mẹ đẻ là người có công với nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì.

Trong vụ án này bị cáo T là người khởi sự, rủ rê và trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu do vậy T giữ vai trò đầu vụ; bị cáo B là chủ nhà, chuẩn bị bài, chiếu cho các con bạc đánh bạc tại nhà ở của mình đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc do vậy B phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức và thực hành; các bị cáo B1, H1 và S tham gia đánh bạc sau (trước đó chỉ có bị cáo T và bị cáo B đánh bạc ăn tiền với nhau) nên phạm tội với vai trò đồng phạm.

Đối với bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê tham gia đánh bạc trực tiếp từ đầu với vai trò tích cực. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo T khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mới có tác dụng răn đe, giáo dục chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để giúp các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo B chủ nhà, chuẩn bị bài, chiếu đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc nên vai trò thứ hai, tuy nhiên bị cáo B tuổi đã cao, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ (bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm

nhẹ nhất trong số 5 bị cáo) và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào do đó đáng được hưởng khoan hồng, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi cũng đủ để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo B1, H1 và S trực tiếp tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm, trong đó bị cáo B1 có số tiền đánh bạc nhiều hơn, tiếp đến bị cáo S và H1; tuy nhiên bị cáo S lại đến sau bị cáo H1 và B1. Trước khi phạm tội cả 03 bị cáo đều có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào do đó đáng được hưởng khoan hồng, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi cũng đủ để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo, có đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung, cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích, riêng đối với bị cáo T có phần nghiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định tất cả các bị cáo đều có tài sản và thu nhập nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung quỹ Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng là phương tiện phạm tội cần tịch thu, tiêu hủy; số tiền sử dụng vào việc đánh bạc và tài sản liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước; đối với các vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với bà Nguyễn Thị N (vợ bị cáo B), khi đi chơi về nhìn thấy các bị cáo đang đánh bài tại nhà mình không đồng ý cho các đối tượng đánh bạc nhưng chưa kịp ngăn cản thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Đỗ Xuân N1, quá trình điều tra làm rõ khi đến nhà bị cáo B ông Nam không tham gia đánh bạc, không có động cơ trục lợi, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novou, biển kiểm soát 29U1 - 2511, quá trình điều tra làm rõ là xe của gia đình Nguyễn Văn H1 không sử dụng vào đánh bạc. Ngày 25 tháng 7 năm 2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho chị Nguyễn Thị H (là vợ H1) là phù hợp.

Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23 tháng 6 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách một năm hai tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B1 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách một năm thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách một năm thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị S 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách một năm thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S mỗi bị cáo số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo chưa nộp đủ số tiền phạt thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 52 quân bài tu lơ khơ, 01 chiếc chiếu trúc đôi đã cũ là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.505.000đồng (Bảy triệu, năm trăm linh năm nghìn đồng);

- Trả lại cho các bị cáo: Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng có số Imei 354381060251572; Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động Viettel màu đỏ có số Imei 359429063273179; Nguyễn Thanh B1 01 điện thoại di động Mastel A116 màu trắng có số Imei 301014146037657; Trần Thị S 01 điện thoại di động Nokia màu hồng - đen có số Imei355158068013512 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 27 tháng 9 năm 2017.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Công an huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng